

Bản án số: **186/2018/HC-PT**

Ngày: 31/10/2018

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai và
quyết định giải quyết khiếu nại

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Công Thi**

Các thẩm phán:

Ông **Nguyễn Cường**

Ông **Trần Quốc Cường**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Hải An** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Ông **Đinh Văn Chánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 191/2018/TLPT-HC ngày 17 tháng 7 năm 2018 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và quyết định giải quyết khiếu nại*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 08/2018/HC-ST ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 191A/2018/QĐ-PT ngày 15 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Bà **Đỗ Thị H**, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư **Lê Văn Đ** - Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

*** Người bị kiện:**

1. Chủ tịch ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Quảng Ngãi;

Địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi: ông Lê Chí P – Chức vụ: Phó Giám đốc Sở tư pháp tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

2. Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Ngãi;

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

Cùng địa chỉ: huyện N, tỉnh Quảng Ngãi, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Địa chỉ: xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch UBND xã H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Cao Văn Đ** - Phó Chủ tịch UBND xã H, theo Giấy ủy quyền số 02/GUQ-UBND ngày 29-01-2018 của UBND xã H, vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1938; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Đỗ Thị H trình bày:

Năm 1980, tôi mua của ông Đỗ M một thửa đất có diện tích 1 sào rưỡi, có giới cận: Phía đông giáp đất ông Nguyễn Khắc S, phía nam giáp đất bà Nguyễn Thị L, phía tây giáp mồ mả, phía bắc giáp đường liên xã. Năm 1983, tôi làm nhà. Năm 1993, tôi đăng ký kê khai quyền sử dụng đất. Ngày 10/02/1995, tôi được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) vào sổ 03144, số thửa 233, tờ bản đồ số 9 xã H, diện tích 670m². Đến ngày 27/6/2016, UBND huyện N quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của tôi. Ngày 07/11/2016, UBND huyện N ban hành Thông báo số 156/TB-UBND về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tôi không đúng quy định của pháp luật. Ngày 01/12/2016, tôi làm đơn khiếu nại Chủ tịch UBND huyện N. Ngày 10/3/2017, UBND huyện N ban hành Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 bác khiếu nại của tôi. Tôi khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 15/9/2017 Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 1714/QĐ-UBND cũng bác khiếu nại của tôi. Việc ban hành Thông báo và các quyết định trên của UBND huyện N, Chủ tịch UBND huyện N và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi đã xâm phạm đến quyền

và lợi ích hợp pháp của tôi.

Nay tôi yêu cầu Tòa án hủy:

- Quyết định số 1714/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của Chủ tịch Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại của bà Đỗ Thị H.

- Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại của bà Đỗ Thị H.

- Thông báo số 156/TB-UBND ngày 07/11/2016 của UBND huyện N về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đỗ Thị H.

Ý kiến của UBND huyện N và Chủ tịch UBND huyện N, người đại diện theo ủy quyền ông Đàm Bằng trình bày:

Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại của bà Đỗ Thị H và Thông báo số 156/TB-UBND ngày 07/11/2016 của UBND huyện N về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đỗ Thị H ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục và nội dung đảm bảo theo quy định của pháp luật nên không thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H.

Ý kiến của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi trình bày:

Thửa đất số 233 thuộc tờ bản đồ số 09 xã H lập theo Chỉ thị 299/Ttg vào năm 1985 có diện tích 275m², loại đất T; theo sổ ghi là “Sổ địa chính” do UBND xã H tự lập năm 1985 để quản lý, thể hiện tại Đội X: số thứ tự 135, thửa đất 233, có diện tích 275m² ghi tên người sử dụng đất ông Đỗ M. Đến năm 1980, bà Đỗ Thị H nhận chuyển nhượng của ông Đỗ M (không có giấy tờ) và đến khoảng năm 1983 gia đình bà xây dựng nhà ở có diện tích 129,87m². Đến ngày 08/9/1993, bà H có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, nội dung tự kê khai là thửa đất 233, diện tích 670m², tờ bản đồ số 9, nguồn gốc là cải tạo gò mả và được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 03144 QSDĐ/1-125 ngày 10/02/1995, với diện tích 670m². Đến năm 1999 xã H chỉnh lý biên động thì thửa số 233 có diện tích 670m², loại đất T. theo sổ mục kê ruộng đất ghi tại trang số 127, tờ bản đồ số 9 thửa đất số 233 ghi chủ sử dụng đất Đỗ Thị H, diện tích 670m², loại đất T. Năm 2015 đo vẽ bản đồ theo dự án Vlap, tại bản đồ số 25 ghi thửa đất số 233 biến động thành thửa số 26, diện tích 289,3m², loại đất ONT.

Thửa đất số 233 liền kề với thửa đất 232 về phía Tây; theo tờ bản đồ số 09 xã H lập theo Chỉ thị 299/TTg vào năm 1985 thì thửa đất số 232 có diện

tích 341m², loại đất N+, đến năm 1999 xã H chỉnh lý biên động thì thửa số 232 có diện tích 48m², loại đất N+; sổ mục kê ruộng đất tại trang số 127, tờ bản đồ số 9 thể hiện thửa đất số 232 có diện tích 48m², loại đất N+; Thửa đất liền kề với thửa đất số 231 của bà Nguyễn Thị L quản lý, sử dụng với diện tích 800m², loại đất T, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1995; theo bản đồ đo vẽ năm 2015 (dự án Vlap), là tờ bản đồ số 25 thì thửa đất số 231 được đo vẽ thành thửa số 35, diện tích 1.294,8m², loại đất ONT.

Thực tế từ năm 1980 đến nay bà H chỉ sử dụng trong phạm vi thửa đất số 233, tờ bản đồ số 09 lập theo Chỉ thị 299/TTg của xã H với diện tích thể hiện trên tờ bản đồ là 275m² và theo bản đồ đo vẽ vào năm 2015 (dự án Vlap) là thửa số 26, diện tích 289,3m² có hàng rào cố định. Do đó, bà H khai sử dụng 670m² nên UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 03144 QSDĐ/1-125 ngày 10/02/1995, với diện tích 670m² là không đúng diện tích, bao trùm lên thửa đất số 232, diện tích 341m², loại đất N+ tờ bản đồ số 09 lập theo Chỉ thị 299/TTg của xã H. Thông báo số 156/TB-UBND ngày 07/11/2016 của UBND huyện N về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đỗ Thị H không đúng quy định của pháp luật; Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 10/03/2017 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại của bà Đỗ Thị H; Quyết định số 1714/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại của bà Đỗ Thị H là đúng nguồn gốc, diễn biến sử dụng đất và đúng quy định của pháp luật.

Ông Cao Văn Đ là người đại diện theo ủy quyền của UBND xã H trình bày:

Năm 1980, bà H mua của ông Đỗ M thửa đất số 233, diện tích 275m², loại đất T tờ bản đồ số 09 lập theo Chỉ thị 299/TTg (có giấy bán đất ngày 25/8/1980). Ông Đỗ M có tên trong sổ địa chính do UBND xã lập năm 1985. Năm 1983, bà H xây nhà với diện tích 275m². Năm 1993, bà H có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất 233, diện tích 670m², tờ bản đồ số 9, nguồn gốc là cải tạo gò mả và được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 03144 ngày 10/02/1995, với diện tích 670m². Trong quá trình chỉnh lý tờ bản đồ số 9, xã H phê duyệt năm 1999 thì thửa số 233 có diện tích 670m², loại đất T là do có sự sai sót trong quá trình chỉnh lý bản đồ lập theo Chỉ thị 299/TTg và bản đồ năm 1999, nguyên nhân là do khi

chỉnh lý bản đồ không kiểm tra hiện trạng nên dẫn đến việc nhập một phần thửa đất 232, diện tích 341m², loại đất N+ vào thửa đất số 233, diện tích 275m², loại đất T do bà H sử dụng nên diện tích thửa đất 233 của bà H tăng lên với diện tích 670m².

Thực hiện chương trình đo đạc bản đồ theo dự án Vlap năm 2015, thửa đất số 233, diện tích 670m² biến động thành thửa số 26, diện tích 289,3m² loại đất ONT. Hiện trạng sử dụng của bà H đã xây dựng nhà, xây tường rào và sử dụng ổn định với diện tích 289,3m².

Bà Nguyễn Thị L trình bày:

Tôi sử dụng đất có nguồn gốc mua vào năm 1976 và cải tạo thêm một phần đất gò mả, được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1995, diện tích 800m² tại thửa đất số 231, tờ bản đồ số 9, xã N. Hiện trạng thực tế đất tôi sử dụng đo đạc theo dự án Vlap là 1.294,8m², loại đất ONT.

Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện tại phiên tòa sơ thẩm trình bày: Sở địa chính xã H năm 1985 có tên ông Đỗ M, thửa đất số 233, diện tích 275m². Trong hồ sơ vụ án không có bản đồ địa chính theo Quyết định số 201- QĐ/ĐKTK của Tổng cục ruộng đất. Vậy, căn cứ vào đâu mà UBND xã H và UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H. Tuy nhiên, tại Bản trích lục khu đất của bà H lập ngày 04/3/2008, có người lập là ông Nguyễn Đình Công - cán bộ địa chính xã H và xác nhận của UBND xã H diện tích đất của bà H là 670m², thửa 233 tờ bản đồ 299/TTg. Theo bản đồ chỉnh lý năm 1999 thửa 233, diện tích 670m², loại đất T. Tại Đơn xin đăng ký ruộng đất ngày 08/9/1993 đã thể hiện thông tin địa chính như sau: Tờ bản đồ số 9, thửa 233, diện tích 670m², loại đất thổ cư, nguồn gốc: cải tạo gò mả. Điều này có nghĩa là tại thời điểm đăng ký (ngày 08/9/1993) đã thể hiện đầy đủ trên bản đồ địa chính, nghĩa là đã xác định rõ vị trí, hình thể, ranh giới, sử dụng loại đất và diện tích của từng thửa và diện tích đang sử dụng đã được ghi vào sổ địa chính mà đến nay không có biến động, nghĩa là đã được xác định quyền sử dụng đất hợp pháp đến thời điểm xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ những phân tích trên, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H. Hủy Quyết định số 1714/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại của bà Đỗ Thị H; Hủy Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày

10/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại của bà Đỗ Thị H và hủy Thông báo số 156/TB-UBND ngày 07/11/2016 của UBND huyện N về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đỗ Thị H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2018/HC-ST ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; Điều 106 Luật đất đai năm 2003, khoản 4 Điều 87 Nghị định 43/NĐ-CP; Luật khiếu nại năm 2011; Điều 12; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H yêu cầu hủy Quyết định số 1714/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại của bà Đỗ Thị H; Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại của bà Đỗ Thị H; Thông báo số 156/TB-UBND ngày 07/11/2016 của UBND huyện N về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đỗ Thị H không đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/5/2018, người khởi kiện bà Đỗ Thị H kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 08/2018/HCST ngày 21/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đỗ Thị H giữ nguyên kháng cáo.

Bà Đỗ Thị H trình bày: Năm 1980, bà Đỗ Thị H nhận chuyển nhượng 1,5 sào đất của ông Đỗ M. Năm 1983, đã làm nhà ở. Đến năm 1993, đã đăng ký kê khai theo đúng quy định của pháp luật. Năm 1995 bà được UBND huyện N cấp GCNQSD đất tại thửa 233 tờ bản đồ số 9 diện tích 670m² (đất ở 200m², đất vườn 470m²) tại thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. Việc đăng ký, kê khai và được cấp GCNQSD đất là thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật hiện hành Luật Đất đai năm 1987, Luật đất đai năm 1993, Nghị định số 30/HĐBT ngày 23/3/1989, Thông tư 302/TT/ĐKTK ngày 28/10/1989, Quyết định số 201/QĐ/ĐKTK phù hợp với sổ địa chính xã H năm 1985, bản đồ 299 và

bản đồ địa chính. Ngày 04/3/2008, UBND xã H đã trích lục theo bản đồ 299 thửa 233 diện tích 670m². Năm 2006, bà đã tranh chấp đất đai với bà Nguyễn Thị L đến năm 2008, UBND xã H hòa giải nhưng không thành. Ngoài ra, UBND xã xác định đất nghĩa địa có ký hiệu là “N” cũng như số hiệu diện tích đất của 3 thửa 231, 232 và 233 là không đúng, có sự điều chỉnh nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đối chiếu với bản gốc. Nay bà Đỗ Thị H yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm hủy toàn bộ các văn bản, quyết định hành chính: Thông báo số 156 TB/UBND ngày 07/11/2016, Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện N và Quyết định số 1714/QQD-UBND ngày 15/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi trình bày: Việc đăng ký, kê khai diện tích đất của bà Đỗ Thị H là không đúng với diện tích sử dụng, đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của bà H, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu như sau:

Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của luật Tố tụng hành chính. Việc vắng mặt của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi và Chủ tịch UBND huyện N đã có đơn xin xét xử vắng mặt, việc vắng mặt của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H, bà H vẫn đề nghị xét xử vụ án, các đương sự khác đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy căn cứ các điều 225 Luật Tố tụng hành chính đề nghị Tòa án xét xử vụ án.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ kiện, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn khởi kiện và kháng cáo của bà Đỗ Thị H, sửa Bản án hành chính sơ thẩm theo hướng hủy toàn bộ các văn bản, quyết định hành chính: Thông báo số 156 TB/UBND ngày 07/11/2016 của Chủ tịch UBND huyện N về việc thu hồi GCNQSDĐ của bà Đỗ Thị H, Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện N và Quyết định số 1714/QQD-UBND ngày 15/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại đối với bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1]. Ngày 10/12/1995, bà Đỗ Thị H được UBND huyện N, tỉnh Quảng Ngãi cấp GCNQSD đất số 03144/QSDĐ diện tích 670m² (trong đó có 200m² đất ở và 470m² đất vườn) tại thửa đất số 233 tờ bản đồ số 9 loại bản đồ 299 thuộc thôn T, xã H, còn bà Nguyễn Thị L cũng đã được UBND huyện N cấp GCNQSD đất diện tích 800m² tại thửa đất số 231 tờ bản đồ số 9 xã H. Nhưng hiện tại bà Nguyễn Thị L sử dụng diện tích 1.294m² (tăng 494m²). Quá trình sử dụng, bà H cho rằng bà L đã lấn chiếm đất của mình nên giữa 2 bên phát sinh tranh chấp. Ngày 08/8/2011, UBND xã H tổ chức hòa giải nhưng không thành. Sau đó bà H đã khởi kiện vụ án dân sự về việc tranh chấp đất đai tại TAND huyện N. Ngày 17/4/2012 TAND huyện N căn cứ Khoản d Điều 168 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004, đình chỉ giải quyết vụ án, lý do chưa đủ điều kiện khởi kiện, Bà H kháng cáo. Ngày 22/8/2012 TAND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án nói trên, nội dung quyết định phúc thẩm chỉ sửa về án phí. Đến ngày 12/5/2013, bà H gửi “Đơn yêu cầu được giải quyết” đến UBND huyện N (Bút lục 81, 82) nội dung đơn bà H yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai với bà L. UBND huyện N đã thụ lý đơn tranh chấp nói trên và tiến hành thu thập xác minh giải quyết.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Bà H và bà L đều đã được cấp GCNQSD đất, trường hợp giữa 2 bên có tranh chấp, căn cứ Khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 và Khoản 1 Điều 136 Luật Đất đai năm 2003 và Khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013 thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp là của Tòa án nhân dân. Tại các Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số: 20/2012/QĐST ngày 17/4/2012 của TAND huyện N cũng như Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số: 29/QĐ-PT ngày 22/8/2012 của TAND tỉnh Quảng Ngãi chỉ có nội dung về tố tụng, đình chỉ giải quyết vụ án lý do chưa đủ điều kiện khởi kiện có nghĩa là chưa xem xét giải quyết gì về nội dung tranh chấp đất đai giữa bà H với bà L. Việc TAND tỉnh Quảng Ngãi nhận định mang tính chất hướng dẫn trong quyết định phúc thẩm của mình là không đúng pháp luật về cả hình thức lẫn nội dung, tạo ra sự nhầm lẫn đối với các cơ quan tham mưu của huyện N (cho rằng đó là Bản án đã có hiệu lực pháp luật về giải quyết nội dung tranh chấp).

Như đã phân tích nêu trên thì UBND huyện N thụ lý đơn tranh chấp đất đai của bà Đỗ Thị H để giải quyết là không đúng thẩm quyền do pháp luật quy

định.

[2]. Xem xét thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính bị khởi kiện thấy rằng đối với Thông báo số 156/TB/UBND ngày 07/11/2016 về việc “Cấp GCNQSD đất cho bà Đỗ Thị H ở xã H, huyện N không đúng quy định của pháp luật”. Theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/NĐCP quy định “Trường hợp **cơ quan nhà nước có thẩm quyền** cấp GCNQSD đất... phát hiện là GCN đã cấp không đúng quy định của pháp luật thì thông báo cho người sử dụng đất biết rõ lý do...”.

Tại khoản 1 Điều 3 Luật tổ tụng hành chính năm 2015 cũng đã xác định rõ 2 loại Quyết định hành chính “Quyết định hành chính là **văn bản do cơ quan hành chính nhà nước**, cơ quan, tổ chức được giao thực hiện quản lý hành chính nhà nước ban hành hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan, tổ chức đó ban hành...”

Theo các quy định nói trên thì “Cơ quan nhà nước có thẩm quyền” ở đây là UBND huyện N chứ không phải là Chủ tịch UBND huyện N, nhưng tại thông báo 156 nêu trên là do ông Phan Bình ký với tư cách “Chủ tịch” UBND huyện N là không đúng thẩm quyền do pháp luật quy định.

Xuất phát từ việc sai lầm về thẩm quyền ký văn bản hành chính (đối với Thông báo số: 156/TB-UBND ngày 07/11/2016) dẫn đến những người tham gia tố tụng trong vụ án này cũng như Tòa án cấp sơ thẩm đều có sự nhầm lẫn về việc xác định người bị kiện là “UBND huyện N” chứ không phải là “Chủ tịch UBND huyện N”. Tại các quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện N và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi, cũng đều xác định thông báo nói trên của “UBND huyện N” là không đúng.

[3]. Xem xét về nội dung các quyết định hành chính đang bị khởi kiện thấy rằng:

Tại nội dung Thông báo số 156 TB/UBND ngày 07/11/2016 của Chủ tịch UBND huyện N về việc thu hồi GCNQSDĐ của bà Đỗ Thị H, Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện N và Quyết định số 1714/QĐ-UBND ngày 15/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại đối với bà H đều cho rằng quá trình sử dụng đất của bà Đỗ Thị H chỉ có diện tích 275m² do ông Đỗ M đứng tên trong sổ địa chính lập theo Chỉ thị 299 là hợp pháp, thực tế chỉ sử dụng 289,3m² nhưng đã cấp GCNQSD đất diện tích 670m² là không đúng nên cần phải thu hồi lại GCNQSD đất số

03144/QSDĐ 1-125 ngày 10/02/1995.

Xét thấy bà Đỗ Thị H đã sử dụng đất từ năm 1980, xây dựng nhà cửa từ năm 1983. Quá trình sử dụng đất đã thực hiện việc đăng ký, kê khai qua các thời kỳ đầy đủ và được cấp GCNQSD đất với diện tích 670m². Diện tích này phù hợp với diện tích đất đã đăng ký và có phản ánh đầy đủ trong sổ địa chính, bản đồ địa chính của UBND xã H quản lý. Quá trình thu thập chứng cứ, tài liệu để giải quyết các đơn tranh chấp, đơn khiếu nại của bà H không chứng minh được bà H có sự gian dối trong việc đăng ký kê khai đất đai để được cấp Giấy chứng nhận.

Vào cùng thời điểm năm 1995 thì bà Nguyễn Thị L được cấp GCNQSD đất diện tích 800m² nhưng thực tế sử dụng lên đến 1.294,8m², bà H cho rằng bà L đã lấn chiếm một phần đất của mình nên đã phát sinh tranh chấp từ năm 2006 và khởi kiện ra TAND huyện N từ năm 2011. Như vậy, để làm rõ GCNQSD đất đã cấp cho bà H là đúng hay sai, diện tích bao nhiêu? Thì cần phải giải quyết quan hệ tranh chấp đất đai giữa bà H và bà L theo thủ tục tố tụng dân sự mới có cơ sở xác định để hủy hoặc thu hồi GCNQSD đất (theo Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 106 Luật Đất đai).

Tại các văn bản trình bày ý kiến của UBND xã H cũng như UBND huyện N và UBND tỉnh Quảng Ngãi chỉ tập trung xác định H từ năm 1980 đến nay chỉ sử dụng thửa 233, tờ bản đồ số 9 lập theo chỉ thị 299, diện tích 275m², biến động số liệu tại hồ sơ địa chính do UBND xã H quản lý theo bản đồ đo vẽ năm 2015 (dự án Vlap) đất của bà H là thửa số 26, diện tích 289,3m² cũng như một số lời khai không thống nhất của bà Đỗ Thị H để cho rằng bà H đã đăng ký, kê khai không đúng, diện tích đất sử dụng không đúng với thực tế, để ban hành Thông báo thu hồi GCNQSD đất của bà H là chưa có cơ sở. Bởi lẽ, bà H đã sử dụng đất làm nhà ở từ năm 1983, có đủ hồ sơ đăng ký đất đai từ năm 1993, có tên trong sổ địa chính, diện tích đất được thể hiện đầy đủ trong sổ sách địa chính, cũng như trên bản đồ 299 do UBND xã H quản lý, quá trình giải quyết tranh chấp giữa bà H với bà L, UBND huyện N chưa làm rõ nguyên nhân do đâu mà đất bà H giảm 395m², còn đất của bà L tăng 494,8m², vì sao đất của bà H biến động tăng từ 275m² lên 289,3m². Mặt khác, việc căn cứ vào bản đồ đo vẽ theo dự án Vlap lập năm 2015 để phủ định hồ sơ địa chính và bản đồ 299 là không đúng. Chưa có căn cứ xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Đỗ Thị H là không đúng diện tích.

Do vậy, Thông báo số 156 TB/UBND ngày 07/11/2016 của Chủ tịch UBND huyện N về việc thu hồi GCNQSDĐ của bà Đỗ Thị H, người đã ký ban hành không đúng chức vụ, thụ lý đơn có nội dung tranh chấp đất đai để giải quyết không đúng thẩm quyền do pháp luật quy định và áp dụng pháp luật nội dung không đúng. Vì vậy, các Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện N và Quyết định số 1714/QĐ-UBND ngày 15/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại đối với bà H, tuy ban hành đúng thẩm quyền pháp luật quy định nhưng như đã phân tích ở trên do nội dung văn bản Thông báo của Chủ tịch UBND huyện N là không đúng nên cần hủy toàn bộ các Quyết định giải quyết khiếu nại ban hành kèm theo.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy cần chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị H, sửa Bản án hành chính sơ thẩm số: 08/2018/HC-ST ngày 21/5/2018 của TAND tỉnh Quảng Ngãi, hủy toàn bộ các Quyết định hành chính gồm: Thông báo số 156 TB/UBND ngày 07/11/2016 của Chủ tịch UBND huyện N về việc thu hồi GCNQSDĐ của bà Đỗ Thị H, Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện N và Quyết định số 1714/QĐ-UBND ngày 15/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại đối với bà H.

Về án phí hành chính sơ thẩm, do sửa Bản án hành chính sơ thẩm nên cần sửa lại người phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về án phí hành chính phúc thẩm, bà H không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 2, Điều 241 Luật tổ tụng hành chính, chấp nhận yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của bà Đỗ Thị H, sửa toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số: 08/2018/HC-ST ngày 21/5/2018 của TAND tỉnh Quảng Ngãi.

Áp dụng: Điều 3; Khoản 1 Điều 30; Khoản 1 Điều 115; Khoản 1, điểm b Khoản 2 Điều 193; Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; Điều 3; Điều 36; Khoản 1 Điều 73 Luật đất đai năm 1993; Khoản 1 Điều 136 Luật đất đai năm 2003; Điều 98, Điều 100, Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

Xử hủy: Thông báo số 156/TB-UBND ngày 07/11/2016 của Chủ tịch UBND huyện N về việc thu hồi GCNQSDĐ của bà Đỗ Thị H, Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện N và Quyết định số

1714/QĐ-UBND ngày 15/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại đối với bà H.

Về án phí: Áp dụng Điều 348 Luật tố tụng hành chính, Điều 32, Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án, Ủy ban nhân dân huyện N phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; P.HCTP; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Thi